

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 221/2020/DS-PT.

Ngày 28 - 12 - 2020.

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và hợp đồng bảo lãnh.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Ngọc Dung.

Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Tình – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 227/2020/TLPT- DS ngày 18 tháng 11 năm 2020.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2020/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 307/2020/QĐ – PT, ngày 26 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Hồng H, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bà Đặng Hồng H: Ông Lê Văn M, sinh năm 1944; Địa chỉ: đường T, phường M, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Kim H1, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Kim H1: Ông Trần Hồ N, sinh năm 1987; Địa chỉ: đường P, phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2. Chị Ngô Ngụ Y, sinh năm 1997 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã A, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Kim H1 là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 4 năm 2019 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Đặng Hồng H trình bày:

Ngày 28/9/2018 tại nhà bà Nguyễn Kim H1, bà H có cho chị Ngô Ngụ Y vay 100.000.000 đồng, lãi suất 1,67%/tháng, thời hạn vay 03 tháng, các bên thỏa thuận điều kiện là bà Nguyễn Kim H1 phải bảo lãnh số tiền nợ trên cho chị Y, nếu chị Y không có khả năng trả nợ đúng hạn thì bà H1 phải trả số tiền nợ 100.000.000 đồng tiền gốc và lãi cho bà H thay cho chị Y và bà H1 đã đồng ý với điều kiện trên (việc này các bên chỉ thỏa thuận bên ngoài) trong biên nhận chỉ ghi nội dung: “tôi tên Ngô Ngụ Y có mượn của chị Đặng Hồng H số tiền 100.000.000 đồng” và mặt sau tờ biên nhận ngày 28/9/2018 bà H1 có ghi: “tôi tên Nguyễn Kim H...Ngô Ngụ Y có mượn của chị Hồng H số tiền 100.000.000 đồng. Tôi chịu trách nhiệm” là do bà H1 viết và kí tên, vì bà H1 ký tên chịu trách nhiệm nên bà H mới cho chị Y vay tiền, chứ giữa chị Y và bà H không quen biết nhau. Khi tiến hành giao tiền thì bà H đã giao tiền tận tay cho bà H1 và bà H1 đã nhận đủ số tiền 100.000.000 đồng, sau đó bà H1 giữ 60.000.000 đồng và bà H1 chỉ đưa chị Ngô Ngụ Y số tiền 40.000.000 đồng (chị Y mượn hay vay gì của bà H1 thì bà không rõ), sau khi chị Y vay tiền thì bà H1 có trả lãi cho bà số tiền 7.000.000 đồng thì ngưng, không trả vốn, lãi tiếp. Đến nay, chị Y vẫn chưa trả tiền. Bà H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Kim H1 và chị Ngô Ngụ Y liên đới trả cho bà H 100.000.000 đồng vốn gốc và lãi suất lãi suất 20%/năm từ ngày 28/9/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm trừ đi số tiền lãi 7.000.000 đồng mà bà H1 trả lãi cho bà H, còn lại yêu cầu bà H1 và chị Y trả tiếp cho bà H.

Tại bản khai ý kiến các ngày 17/02/2020, ngày 18/11/2019, ngày 04/5/2019 và quá trình giải quyết bị đơn bà Nguyễn Kim H1 và anh Trần Hồ N là người đại diện theo ủy quyền của bà H1 trình bày:

Bà Nguyễn Kim H1 không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Lý do, bà H1 không có nhận số tiền 100.000.000 đồng và cũng không có trả tiền lãi cho bà H, cũng không thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh nên không đồng ý trả. Phía sau tờ biên nhận bà H1 có ghi nội dung: “tôi chịu trách nhiệm” là do bà H1 viết với tư cách là người làm chứng. Nội dung thỏa thuận như đại diện nguyên đơn trình bày thì giữa bà H và chị Y thỏa thuận thế nào thì bà H1 không biết.

Tại bản khai ý kiến ngày 30 tháng 10 năm 2019, bị đơn chị Ngô Ngụ Y trình bày: Theo biên nhận ngày 29/8/2018 thì chị có vay của bà Đặng Hồng H tại nhà bà Nguyễn Kim H1 số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 07%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng, các bên thỏa thuận điều kiện là bà H1 phải bảo lãnh số tiền nợ trên cho chị, nếu chị không có khả năng trả nợ đúng hạn thì bà H1 phải trả số tiền nợ 100.000.000 đồng tiền gốc và lãi cho bà H thay cho chị và bà H1 đã đồng ý với điều kiện trên, phía sau tờ biên nhận có ghi: “tôi tên Nguyễn Kim H1...Ngô Ngụ Y có mượn của chị Hồng H số tiền là 100.000.000 đồng. Tôi chịu trách nhiệm” là do bà H1 viết và ký tên, chứ giữa chị và bà H không quen biết nhau và việc bà H cho chị vay tiền không có thể chấp hay bảo đảm bằng tài sản gì. Vì bà H1 ký tên chịu trách nhiệm bảo lãnh nên bà H mới cho chị vay tiền, còn chị và bà H1 do cùng làm ăn mua bán ở chợ A nên đã giao dịch với nhau tiền bạc nhiều lần, hiện tại chị còn nợ bà H1 tiền vay đến nay chưa trả hết, đồng thời khi tiến hành giao tiền thì bà H giao cho bà H1. Bà H1 trừ khoản nợ mà chị nợ bà H1 trước đó là 60.000.000 đồng, sau đó bà H1 đưa cho chị 40.000.000 đồng, sau khi vay thì chị có đưa bà H1 hai lần tiền là 7.000.000 đồng để bà H1 trả lãi cho bà H, từ đó đến nay chị không có khả năng trả cho bà H. Nay theo yêu cầu khởi kiện của bà H, thì chị đồng ý cùng bà H1 liên đới trả cho bà H số tiền trên hoặc bà H1 có khả năng thì trả cho bà H trước sau đó chị sẽ trả lại cho bà H1 sau.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2020/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít.

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 228, Điều 224 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 335, Điều 336, Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuyên xử;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Hồng H.

Buộc chị Ngô Ngụ Y có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Hồng H tổng số tiền gốc, lãi là: 101.650.000 đồng (một trăm lẻ một triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó gốc là: 100.000.000 đồng, lãi là: 1.650.000 đồng.

Trường hợp chị Ngô Ngụ Y không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì bà Nguyễn Kim H1 phải thực hiện nghĩa vụ của bên bảo lãnh

trả cho bà H số tiền gốc và lãi là 101.650.000 đồng, trong đó gốc là 100.000.000 đồng, lãi là 1.650.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03 tháng 11 năm 2020 bị đơn bà Nguyễn Kim H1 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết: Sửa bản án sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Hồng H, buộc chị Ngô Ngụ Y có nghĩa vụ phải trả cho bà Đặng Hồng H số tiền gốc, lãi là 101.650.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu buộc bà Nguyễn Kim H1 có trách nhiệm bảo lãnh trả nợ thay cho chị Ngô Ngụ Y.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Kim H1 vẫn bảo lưu yêu cầu kháng cáo.

Ông M là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không chấp nhận kháng cáo của bà H1, yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn chị Ngô Ngụ Y không chấp nhận kháng cáo của bà H1. Vì giữa chị và bà H không có quen biết, do có bà H1 bảo lãnh nên bà H mới cho chị vay 100.000.000 đồng. Khi giao tiền cho chị vay bà H giao trực tiếp cho bà H1 nhận, sau đó bà H1 trừ số tiền chị nợ bà H1 60.000.000 đồng, còn lại 40.000.000 đồng bà H1 giao cho chị nhận.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; Các đương sự có mặt thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Kim H1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2020/DS-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít. Về án phí phúc thẩm: Buộc bà Nguyễn Kim H1 phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà H1 đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục*: Bị đơn bà Nguyễn Kim H1 kháng cáo trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định, nên kháng cáo của bà H1 được Tòa cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm được quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội Dung*:

[1] Nguyên đơn bà Đặng Hồng H yêu cầu bà Nguyễn Kim H1 và chị Ngô Ngụ Y trả cho bà số tiền gốc 100.000.000 đồng và lãi 1.650.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Vì, theo biên nhận ngày 29/8/2018 thì chị Y có vay của bà H tại nhà bà H1 số tiền 100.000.000 đồng, các bên có thỏa thuận điều kiện bà H1 phải bảo lãnh số tiền nợ trên cho chị Y, nếu chị Y không có khả năng trả nợ đúng hạn thì bà H1 phải trả số tiền nợ 100.000.000 đồng tiền gốc và lãi cho bà H thay cho chị Y và bà H1 đã đồng ý với điều kiện trên, nên phía sau tờ biên nhận bà H1 có ghi: “tôi tên Nguyễn Kim H1...Ngô Ngụ Y có mượn của chị Hồng H số tiền là 100.000.000 đồng. Tôi chịu trách nhiệm” là do bà H1 viết và ký tên. Xét việc bà H1 không thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh mà bà cho rằng bà ký tên chịu trách nhiệm với tư cách là người làm chứng. Ngoài lời trình bày thì bà H1 không có chứng cứ gì để chứng minh bà ký tên với tư cách là người làm chứng. Cho nên án sơ thẩm xác định bà H1 ký tên chịu trách nhiệm phía sau tờ biên nhận ngày 29/8/2018 với tư cách là người bảo lãnh là có căn cứ. Nếu chị Y không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì bà Nguyễn Kim H1 phải thực hiện nghĩa vụ của bên bảo lãnh trả cho bà H số tiền gốc 100.000.000 đồng và lãi là 1.650.000 đồng là phù hợp với Điều 335 và Điều 336 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do vậy, Tòa cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà H1.

[2] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là căn cứ phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

[3] Từ nhận định trên: Hội đồng xét xử, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Kim H1; chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Giữ

nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2020/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Mang Thít.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà Nguyễn Kim H1 không được chấp nhận nên bà H1 phải có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà H1 đã nộp, nên bà H1 không phải nộp thêm.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Kim H1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2020/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Mang Thít.

Áp dụng: Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 335, Điều 336, Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuyên xử;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Hồng H.

Buộc chị Ngô Ngụy Y có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Hồng H tổng số tiền gốc, lãi là: 101.650.000 đồng (một trăm lẻ một triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Trong đó gốc là: 100.000.000 đồng, lãi là: 1.650.000 đồng.

Trường hợp chị Ngô Ngụy Y không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì bà Nguyễn Kim H1 phải thực hiện nghĩa vụ của bên bảo lãnh trả cho bà H số tiền gốc và lãi là 101.650.000 đồng (một trăm lẻ một triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Trong đó gốc là 100.000.000 đồng, lãi là 1.650.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Hồng H về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Kim H1 liên đới cùng chị Ngô Ngụy Y trả cho bà H số tiền gốc, lãi: 101.650.000 đồng.

2. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Ngô Ngọc Y phải nộp số tiền 5.082.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Đặng Hồng H số tiền 2.750.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0006962 ngày 09 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án nhân dân huyện Mang Thít.

3. Về án phí phúc thẩm: Buộc bà Nguyễn Kim H1 nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà H1 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo biên lai thu số 0003135 ngày 12/10/2020, nên bà H1 không phải nộp thêm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC: 01b;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- CA.TAND TVL: 01b;
- Phòng KTNVTHA TAND TVL:01b;
- TAND H Mang Thít: 01b;
- Chi cục THADS H Mang Thít: 01b;
- Mỗi đương sự: 01b;
- Lưu HS: 06b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Trường